

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HC-PT

Ngày: 01/3/2018

V/v: “*Khởi kiện quyết định xử phạt vi phạm
hành chính và yêu cầu bồi thường thiệt hại*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Sự.

Các Thẩm phán: Bà Võ Thị Thanh Phương

Ông Ngô Thanh Sỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Trúc Thủy

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

Bà Nguyễn Ngọc Lan- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 01 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 09/2017/HC-PT ngày 06/11/2017 về: “*Khởi kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính và yêu cầu bồi thường thiệt hại*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 02/2017/HC-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 23/2017/QĐ-PT ngày 24/12/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2018/QĐ-HPT ngày 30/01/2018 giữa:

1. *Người khởi kiện:* Bà Trần Thị G, sinh năm 1977

Địa chỉ: ấp 1, xã L, huyện Đ, Đồng Nai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Phạm Văn Th, Văn phòng Luật sư T, Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai.

2. *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Trần Anh T, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L (Theo văn bản ủy quyền ngày 10/5/2017).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ

4. *Người kháng cáo:* Bà Trần Thị G

(Ông Th, bà G có mặt; các đương sự còn lại vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo bản án sơ thẩm:

*** Người khởi kiện trình bày:**

- Ngày 28/02/2015 Ủy ban nhân dân xã L do ông Trần Anh T cùng tổ công tác lập biên bản vi phạm hành chính số 03/BB-VPHC về hành vi xây dựng nhà tạm trong hành lang an toàn đường bộ đối với bà Trần Thị G. Ngày 03/3/2015 Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L ông Trần Anh T ra Quyết định số 11/QĐ-XPVPHC ngày 03/3/2015 về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt đối với bà G, xử phạt bà số tiền là 2.500.000 đồng và buộc tháo dỡ công trình nhà tạm diện tích 9m² xây dựng trên đất dành cho đường bộ, khôi phục lại tình trạng ban đầu.

- Ngày 10/3/2015 bà G khiếu nại đến Ủy ban nhân dân xã L

- Ngày 07/6/2015 bà G nhận được Quyết định số: 84/QĐ-UBND ngày 05/6/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L với nội dung bác đơn khiếu nại của bà.

- Ngày 14/7/2015 bà G tiếp tục khiếu nại. Ngày 07/9/2015 bà G nhận được Quyết định số: 1674/QĐ-UBND ngày 04/9/2015 của Chủ tịch UBND huyện Đ nội dung bác khiếu nại của bà G.

- Quyết định số 11/QĐ – XPVPHC ngày 03/3/2015 của Chủ tịch UBND xã L về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt đã có các vi phạm sau:

+ Nội dung biên bản vi phạm hành chính số: 03 ngày 28/02/2015 là không rõ ràng: Quy buộc bà G đã vi phạm hành chính cụ thể dựng nhà tạm trái phép trên đất hành lang an toàn đường dẫn cầu L là không có căn cứ. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 12 Nghị định số: 171/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ để quy buộc bà G có hành vi vi phạm hành chính là trái với quy định của pháp luật bởi văn bản này chỉ dùng để áp dụng khi ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

+ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 11/QĐ-XP-VPHC ngày 03/3/2015 của Chủ tịch UBND xã L ban hành không có căn cứ pháp lý vì:

Chủ tịch UBND xã L đã sao chép nội dung biên bản vi phạm hành chính số 03 nhưng không chứng minh được bà G đã vi phạm quy định tại văn bản pháp luật nào mà chỉ dựa vào sự mô tả, suy đoán không có căn cứ.

Người ký ban hành quyết định số 11/QĐ-XP-VPHC là Phó Chủ tịch Trần Anh T là sai thẩm quyền và sai thể thức văn bản theo quy định tại Điều 12 của Thông tư số 01 ngày 19/01/2011 của Bộ nội vụ.

Quyết định số 11/QĐ-XP-VPHC chưa được kiểm tra theo Điều 3 và Điều 6 Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ quy định về nội dung kiểm tra văn bản.

Về nội dung: Căn cứ vào Điều 15 Nghị định số: 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính Phủ Quy định tại về giới hạn hành lang an toàn đường bộ và Văn bản số: 1829/KQLĐBVII- QLGT ngày 13/8/2009 của Cục đường bộ Việt Nam gửi UBND tỉnh Đồng Nai có bảng thống kê bề rộng nền mặt đường của Quốc lộ 20 đoạn đường đi qua huyện Đ là 13m. Diện tích bà G sử dụng có đóng thuế từ năm 1981 đến năm 2014 là 500m². Năm 2014, UBND huyện chỉ thu hồi của bà G diện 188,5m² đất. Như vậy, phần đất bà G cất nhà tạm là nằm trong phần đất còn lại của bà G và nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ.

Với những căn cứ nêu trên bà G khởi kiện yêu cầu: Hủy Quyết định: 11/QĐ-XP-VPHC ngày 03/3/2015 của Chủ tịch UBND xã L. Chủ tịch UBND xã L phải bồi thường thiệt hại với số tiền 39.910.000 đồng, xin lỗi công khai trên báo tuổi trẻ Thành phố Hồ Chí Minh, Báo pháp luật Thành phố Hồ Chí Minh, niêm yết tại trụ sở UBND huyện Đ và trụ sở UBND xã L, đưa các văn bản vi phạm pháp luật đã được xử lý trên các phương tiện thông tin đại chúng.

**** Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện ông Trần Anh T trình bày:***

- Ngày 28/02/2015, tổ công tác UBND xã L phát hiện bà Trần Thị G có hành vi dựng nhà tạm trái phép với diện tích 3m x 3m = 9m² với kết cấu: cột, kèo làm bằng gỗ, mái chưa lợp, nền chưa làm. Toàn bộ diện tích dựng nhà tạm nằm hoàn toàn trong phạm vi đất dành cho hành lang đường bộ vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 Điều 12 của Nghị định 171/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt.

- Căn cứ thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tại khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính; điểm b khoản 3 Điều 12, khoản 1 Điều 68 của Nghị định số 171/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt và căn cứ biên bản vi phạm hành chính số 03/BB-VPHC ngày 28/02/2015, Chủ tịch UBND xã L đã ban hành Quyết định số 11/QĐ-XPVPHC ngày 03/03/2015 xử phạt đối với hành vi vi phạm của bà Trần Thị G.

- Ngày 23/03/2015, UBND xã L ban hành Thông báo số: 20/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu và Quyết định số: 36/QĐ-UBND về việc giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại.

- Ngày 06/05/2015, Tổ tham mưu giải quyết đơn đã báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại của bà G. Đến ngày 29/5/2015 UBND xã có buổi đối thoại với bà G.

- Ngày 05/06/2015, UBND xã L ban hành Quyết định số: 84/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà G với nội dung: Bác bỏ toàn bộ nội dung khiếu nại.

- Bà G tiếp tục khiếu nại, Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định số: 1674/QĐ-UBND ngày 04/9/2015 nội dung bác khiếu nại của bà G và công nhận Quyết định 84/QĐ-UBND ngày 05/6/2015 của Chủ tịch UBND xã L về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà Trần Thị G là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vi phạm: Bà G cất nhà tạm trái phép trên hành lang bảo vệ an toàn giao thông đường bộ đường dẫn Quốc lộ 20.

Đường Quốc lộ 20 trước khi thực hiện cải tạo theo Quyết định số: 2378/QĐ-BGTVT ngày 12/8/2013 của Bộ giao thông vận tải có lộ giới là 52m, đã cắm mốc cách tim đường ra mỗi bên là 26m, một số vị trí trên đường đắp cao, có mương cống dọc hoặc đoạn cong có mở rộng mặt đường thì lộ giới cách tim đường hơn 26m. Việc cắm mốc thuộc khu quản lý đường bộ 7 thuộc Cục quản lý đường bộ Việt Nam.

Dự án khôi phục Quốc lộ 20 được Bộ giao thông vận tải phê duyệt theo Quyết định số: 2378/QĐ- BGTVT ngày 12/8/2013 của Bộ giao thông vận tải về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình khôi phục, cải tạo Quốc lộ 20 đoạn Km0+000-km123+105,17 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và tỉnh Lâm Đồng, trong đó xác định quy mô kỹ thuật mặt đường rộng 11m (gồm mặt đường 7m lề gia cố kết cấu mặt đường mỗi bên 02m). Việc cắm mốc giải phóng mặt bằng và mốc lộ giới được phê duyệt theo Quyết định số: 1765/BQLDA7- DDHDAQL20 ngày 29/10/2012 của Tổng giám đốc ban dự án 7(trực thuộc Bộ giao thông vận tải).

Hiện trạng căn nhà tạm của bà G nằm trong đoạn lý trình đường Quốc lộ 20 từ Km 35+00-Km35+500.Tại đoạn này theo hồ sơ cắm mốc lộ giới bên phải (hướng Dầu Giây đi Đà Lạt) tuyến Quốc lộ 20 từ Km35+00(gần chợ L) được cắm mốc lộ giới cách tim đường dẫn vào cầu L (cầu mới) là 30,5m; vị trí Km35+500 (gần cầu L) được cắm mốc lộ giới cách tim đường dẫn vào cầu L (cầu mới)35,56m. Nhà tạm của bà G được dựng cách tim đường Quốc lộ 20(cũ) là 33m và cách đường Quốc Lộ 20(mới) 19m. Do đó nhà tạm của bà G nằm hoàn toàn trong hành lang bảo vệ an toàn giao thông đường dẫn cầu L (Quốc lộ 20 mới). Từ những căn cứ nêu trên, người bị kiện cho rằng Quyết định số 11/QĐ-XPVPHC ngày 03/03/2015 của Chủ tịch UBND xã L là đúng pháp luật

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Chủ tịch UBND huyện Đ trình bày:***

Ngày 14/7/2015, bà Trần Thị G tiếp tục gửi đơn khiếu nại lần 2 đến Chủ tịch UBND huyện Đ đối với Quyết định số:11/QĐ- UBND ngày 03/3/2015 của Chủ tịch UBND xã L; Ngày 07/8/2015, Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành thông báo số: 219/TB- UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại đối với đơn khiếu nại của bà Trần Thị G. Chủ tịch UBND huyện ban hành quyết định số: 1356/QĐ-UBND về việc giao

Thanh tra huyện xác minh nội dung khiếu nại của bà Trần Thị G lần 2. Ngày 28/8/2015 Thanh tra huyện Đ có báo cáo số: 108/BC-TT kết quả xác minh nội dung khiếu nại. Sau khi tiến hành đối thoại với bà G Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định số: 1674/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà G và bác toàn bộ yêu cầu của bà G.

UBND huyện ra quyết định cưỡng chế số: 357 ngày 27/3/2015 là đúng điểm a khoản 1 Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 1 Điều 6 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Do đó, chủ tịch UBND huyện Đ ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần 2, Quyết định cưỡng chế là đúng quy định pháp.

* Tại bản án hành chính sơ thẩm số 02/2017.HC-ST ngày 29/9/2017, TAND huyện Đ đã tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị G đối với yêu cầu: Hủy Quyết định số: 11/QĐ-XPVPHC ngày 03/3/2015 về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt của Chủ tịch UBND xã L. Và yêu cầu xin lỗi cải chính công khai trên các thông tin đại chúng.

Đình chỉ yêu cầu Chủ tịch UBND xã L bồi thường thiệt hại số tiền 39.910.000 đồng của bà Trần Thị G.

- Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự trong vụ án

- Ngày 06/10/2017, bà G kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng hủy quyết định hành chính số 11/QĐ-XPVPHC ngày 03/3/2015 của Chủ tịch UBND xã L.

**** Tranh luận của luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện tại phiên tòa phúc thẩm:***

Về nguồn gốc đất: Bà G dựng nhà tạm trên diện tích 311 m² còn lại thuộc thửa 266 xã L sau khi nhà nước thu hồi diện tích 188,5m² thửa 239 trong tổng diện tích 500 m² bà G quản lý sử dụng từ năm 1981, nộp thuế sử dụng đất, được UBND xã L xác nhận không có tranh chấp, đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận QSD đất.

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 11 /QĐ-XPVPHC ngày 03/3/2015 của Chủ tịch UBND xã L vi phạm pháp luật ở các điểm sau:

- + Sai về nội dung do không có người bị thiệt hại
- + Mức xử phạt sai: Quyết định xác định bà G dựng nhà tạm trái phép trong phạm vi đất dành cho đường bộ thì phải áp dụng Nghị định 121/2013/NĐ-CP của

Chính Phủ quy định về xử phạt trong hoạt động xây dựng, chỉ có mức xử phạt 1.000.000đ.

+ Sai thẩm quyền: Chủ tịch UBND xã L chưa được Bộ giao thông bàn giao mốc giới dự án cải tạo quốc lộ 20 do đó chưa có thẩm quyền xử phạt. Đồng thời, cũng không được ủy quyền lại cho người thứ 3 theo quy định tại khoản 5 Điều 60 Luật tổ tụng hành chính

+ Bà G không lấn chiếm đất vì đã sử dụng trước thời điểm BGTVT ban hành quyết định 2552 ngày 7/11/2011 phê duyệt dự án cải tạo quốc lộ 20

Từ các căn cứ trên vị luật sư đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bà G sửa bản án sơ thẩm theo hướng hủy quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 11/QĐ-XPVPHC ngày 03/3/2015 của Chủ tịch UBND xã L.

**** Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm:***

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm, Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 4 Điều 5 Nghị định 81/2013 ngày 19/7/2013 của Chính Phủ và biểu mẫu kèm theo Nghị định số 81/NĐ-CP thì Quyết định số 11/QĐ-XPVPHC ngày 03/3/2015 do Phó Chủ tịch Trần Anh T ký ban hành là đúng thẩm quyền, đúng hình thức luật định.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16/8/2017 của TAND huyện Đ ghi nhận hiện trạng không còn nguyên vẹn như ban đầu, đã bị xáo trộn, nền gồ ghề, nhà tạm không còn, mặt khác bà G không cung cấp được các giấy tờ, tài liệu mốc giới được Nhà nước giao quản lý sử dụng hợp pháp nên không có cơ sở để thực hiện việc đo vẽ.

Căn cứ vào bản vẽ được trích đo hiện trạng số: 353/2015 ngày 05/5/2015 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - chi nhánh Đ thì diện tích nhà tạm của bà G tại thửa 266A, tờ bản đồ 22, thể hiện diện tích nhà tạm nằm hoàn toàn trong hành lang bảo vệ an toàn giao thông Quốc lộ 20 (cũ) và đường dẫn cầu L (cầu mới). Công văn 160/TNMT-ĐĐ ngày 12/9/2016 của Phòng Tài nguyên & Môi trường huyện Đ cũng xác định: “Căn nhà tạm của bà Trần Thị G dựng trên thửa đất số 266A tờ bản đồ số 22 là nằm trong hành lang an toàn đường Quốc lộ 20 mà không thuộc thửa 239, 240 tờ bản đồ 22”. Như vậy việc bà G cho rằng nhà tạm không nằm trong hành lang bảo vệ an toàn Quốc lộ 20 là không có căn cứ.

Từ các phân tích trên Đại diện VKSND tỉnh Đồng Nai xác định kháng cáo của bà G không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét trình bày của đương sự, tranh luận của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện, ý kiến của Kiểm sát viên và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo:

Bà Trần Thị G nộp đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn luật định nên kháng cáo của bà G được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà G xác định giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới.

[2] Về người tham gia phiên tòa:

Người đại diện hợp pháp cho người bị kiện Chủ tịch UBND xã L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Chủ tịch UBND huyện Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 4 Điều 225 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015, xét xử vắng mặt các đương sự này.

[3] Về nội dung vụ án:

Ngày 28/02/2015, tổ công tác của Ủy ban nhân dân xã L lập biên bản vi phạm hành chính số 03/BB-VPHC về hành vi xây dựng nhà tạm trong hành lang an toàn đường bộ đối với bà Trần Thị G.

Ngày 03/3/2015 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L ban hành Quyết định số 11/QĐ – XPVPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt đối với bà Trần Thị G, hình thức xử phạt chính là phạt tiền, mức phạt là 2.500.000 đồng. Đồng thời áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là buộc tháo dỡ công trình nhà tạm diện tích 9m² và khôi phục lại tình trạng ban đầu.

Do bà G khiếu nại, ngày 05/6/2015 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 84/QĐ-UBND bác đơn khiếu nại của bà G.

Bà G tiếp tục khiếu nại, ngày 04/9/2015 Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1674/QĐ-UBND bác khiếu nại của bà G, giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại số 84/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND xã L.

Do cho rằng Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 11/QĐ-XP-VPHC 03/3/2015 trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt của Chủ tịch UBND xã L là vi phạm pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của mình, ngày 08/01/2016 bà G khởi kiện yêu cầu quyết định hành chính nói trên và yêu cầu bồi thường thiệt hại.

[4] Nhận định về nội dung kháng cáo:

[4.1] Về thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật, đối tượng khởi kiện, người tham gia tố tụng, phạm vi giải quyết của vụ án: cấp sơ thẩm xác định đúng và đầy đủ.

Về phạm vi khởi kiện: tại phiên tòa sơ thẩm, bà G rút 1 phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể rút yêu cầu bồi thường thiệt hại, do đó Hội đồng xét xử sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu khởi kiện này là có căn cứ.

[4.2] Đánh giá tính hợp pháp của quyết định hành chính bị khởi kiện

- Về thời hiệu xử lý vi phạm hành chính: ngày 28/02/2015 tổ công tác của UBND xã L lập biên bản ghi nhận việc bà Trần Thị G có hành vi dựng nhà tạm trong phạm vi đất hành lang lộ giới đường dẫn cầu L. Đến ngày 03/3/2015, Chủ tịch UBND xã L ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 11/QĐ-XPVPHC đối với bà G là đúng thời hiệu xử lý vi phạm theo quy định tại Điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính.

- Về hành vi vi phạm hành chính:

Bà G thừa nhận việc ngày 28/8/2015 đã dựng nhà tạm diện tích 3m x 3m trên thửa 266 tờ bản đồ số 22 xã L nhưng cho rằng phần diện tích đất dựng nhà tạm không nằm trong hành lang lộ giới quốc lộ 20.

Tại phiên tòa, bà G xác định phần đất trên nằm phía sau cách thửa 240 tờ bản đồ 22 xã L (đã bị thu hồi để thực hiện dự án) khoảng 01m. Đối chiếu bản vẽ trích đo hiện trạng số: 353/2015 ngày 05/5/2015 (bút lục số 184, bút lục 579) do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - chi nhánh Đ thực hiện thì vị trí đất trên nằm hoàn toàn trong hành lang an toàn đường bộ Quốc lộ 20.

Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16/8/2017 của TAND huyện Đ (bút lục 595, 596) xác định hiện trạng thửa đất không còn tài sản gì, nền đất đã bị đào xới, hiện trạng không còn giống như thời điểm xây dựng. Như vậy, không thể thực hiện việc đo vẽ xác định vị trí nhà tạm. Bà G thừa nhận vào thời điểm xem xét, thẩm định tại chỗ thì nhà tạm không còn. Phía người khởi kiện trình bày đã sử dụng cách thức đặt thước dây trên mặt đất để xác định nhà tạm xây dựng cách lề đường quốc lộ 20 là 18m. Do nền đất không bằng phẳng, có độ dốc nên cách thức trên không đảm bảo tính chính xác.

Biên bản xác định vị trí nhà tạm của Phòng kinh tế hạ tầng huyện Đ ngày 17/4/2015 (Bút lục 532) thì vị trí nhà tạm của bà G cách tim đường dẫn cầu L (cầu mới) là 19,1m.

Đồng thời, theo hồ sơ thiết kế cắm mốc giải phóng mặt bằng dự án khôi phục cải tạo Quốc lộ 20 (Bút lục 269), Việc cắm mốc giải phóng mặt bằng và mốc lộ giới được phê duyệt theo Quyết định số: 1765/BQLDA-HDDAQL 20 ngày 29/10/2012 của Tổng Giám đốc Ban quản lý dự án 7 (trực thuộc Bộ giao thông vận tải) thì đoạn tuyến từ Km34 + 900.0 – Km 35+700.00 nằm trong quy hoạch của huyện Đ nên mốc

chỉ giới được cắm theo chỉ giới xây dựng, theo quy hoạch (được cấp có thẩm quyền phê duyệt) cách tim tuyến ra mỗi bên 30.5m. Hiện trạng nhà bà G nằm bên phải Quốc lộ 20 (hướng Dầu Giây - Đà Lạt) từ Km 35+00 đến Km 35+500, tại vị trí này theo hồ sơ cắm mốc thì: Km 35+00 (gần chợ L) được cắm mốc lộ giới cách tim đường dẫn vào cầu L (cầu mới) là 30,5m; vị trí Km 35+500 (gần mốc cầu L) được cắm mốc lộ giới cách tim đường dẫn vào cầu L mới là 35,56m.

Về nguồn gốc đất: tại phiên tòa, bà G khẳng định từ năm 1981 đến nay tại chỉ quản lý diện tích đất 500m² gồm thửa 329 và 1 phần thửa 266 tờ bản đồ 22 xã L. Năm 2003, bà nộp đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện Đ và Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai để yêu cầu được tiếp tục sử dụng diện tích đất này. Xét thấy, khiếu nại của bà G năm 2003 đã được Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai giải quyết bằng Quyết định 579/QĐ-CT-UBT ngày 27/2/2004 (BL212), theo đó bác nội dung khiếu nại này của bà G với lý do đất có nguồn gốc thuộc Quốc lộ 20 cũ và đất lòng hồ Trị An do nhà nước quản lý. Hiện nay, Quyết định 579/QĐ-CT-UBT đã có hiệu lực pháp luật và chưa bị bãi bỏ, thay thế bằng quyết định hành chính nào khác do đó việc bà G cho rằng bà dựng nhà trên phần đất thuộc quyền quản lý sử dụng của mình là không có căn cứ chấp nhận.

Như vậy từ các phân tích trên có căn cứ xác định ngày 28/5/2015 bà G có hành vi dựng nhà tạm 3x3m trên đất do nhà nước quản lý, thuộc hành lang an toàn đường bộ Quốc lộ 20 đã được phê duyệt cắm mốc năm 2011. Hành vi trên đã vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 Điều 12 Nghị 171/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính Phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt.

- Về thẩm quyền ban hành quyết định: Đối với hành vi vi phạm hành chính của bà G được xác định ở phần trên thì Chủ tịch UBND xã L là người có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 68, Điều 69 Nghị 171/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013. Do đã được của Chủ tịch UBND xã L ủy quyền xử lý vi phạm hành chính theo Quyết định số: 142/QĐ-UBND ngày 21/8/2014 nên việc Phó chủ tịch Trần Anh T ký ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính của bà Trần Thị G là đúng quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ và biểu mẫu kèm theo.

- Về trình tự, thủ tục, nội dung quyết định hành chính: căn cứ trên biên bản vi phạm hành chính ngày 28/2/2015 Chủ tịch UBND xã L áp dụng hình phạt chính đối với cá nhân bà Trần Thị G là phạt tiền với mức 2.500.000đ và biện pháp khắc phục hậu quả buộc tháo dỡ nhà tạm và khôi phục hiện trạng ban đầu là đúng quy định tại điểm b khoản 3 Điều 12 Nghị định 171/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính Phủ.

[4.3] Đánh giá tính hợp pháp của Quyết định giải quyết khiếu nại số 84/QĐ-UBND ngày 05/6/2015 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L

Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành: Chủ tịch UBND xã L ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 84/QĐ-UBND ngày 05/6/2015 trên cơ sở đã thụ lý khiếu nại của bà G, lập tổ công tác xác minh nội dung khiếu nại, đã tiến hành việc đối thoại với người khiếu nại là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại các Điều 17, 27, 31 Luật khiếu nại

Về nội dung: do Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 11/QĐ-XPVPHC ngày 03/3/2015 là có căn cứ, đúng pháp luật nên việc Chủ tịch UBND xã L bác khiếu nại của bà G là phù hợp.

[4.4] Đánh giá tính hợp pháp của Quyết định giải quyết khiếu nại số 1674/QĐ-UBND ngày 04/9/2015 của Chủ tịch UBND huyện Đ:

Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành: Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 1674/QĐ-UBND trên cơ sở báo cáo số 108/BC-TT của Thanh tra huyện Đ về kết quả xác minh nội dung khiếu nại và kết quả đối thoại với người khiếu nại là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại các Điều 18, 36, 39, 40 Luật khiếu nại.

Về nội dung: do Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 11/QĐ-XPVPHC ngày 03/3/2015 và số 84/QĐ-UBND ngày 05/6/2015 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L đúng pháp luật nên việc Chủ tịch UBND huyện Đ bác khiếu nại của bà G là có căn cứ.

Ngày 27/3/2015 Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định cưỡng chế số 357/QĐ-UBND là đúng quy định tại Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Như vậy, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 11/QĐ-XPVPHC ngày 03/3/2015 đối với bà Trần Thị G được ban hành đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục, nội dung phù hợp quy định của pháp luật do đó cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà G về việc yêu cầu hủy Quyết định trên là có căn cứ.

Tuy nhiên, tại phiên tòa bà G xác định khi rút yêu cầu về bồi thường thiệt hại tại phiên tòa sơ thẩm là đã bao gồm cả yêu cầu về xin lỗi, cải chính công khai. Tại phần quyết định, cấp sơ thẩm đã đình chỉ yêu cầu bồi thường thiệt hại nhưng vẫn bác yêu cầu của bà G về xin lỗi, cải chính công khai là chưa chính xác cần sửa cách tuyên án.

Từ các phân tích trên, chấp nhận 1 phần kháng cáo của G sửa bản án sơ thẩm về cách tuyên án, không chấp nhận kháng cáo yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 11/QĐ-XPVPHC ngày 03/3/2015 của Chủ tịch UBND xã L.

[5] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên bà G phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Do kháng cáo được chấp nhận 1 phần nên bà G không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[6] Đối với quan điểm của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện:

- Trình bày tranh luận của luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện không phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án bởi lẽ:

Phần diện tích đất mà bà G dựng nhà tạm 3x3m ngày 28/2/2015 là đất có nguồn gốc do nhà nước quản lý, không thuộc trường hợp là đất đủ điều kiện để công nhận quyền sử dụng đất cho bà G. Hành vi “dựng công trình tạm thời khác trái phép trên đất dành cho đường bộ” của bà G đã vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 Điều 12 Nghị định 171/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt.

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 11/QĐ-XPVPHC ngày 03/3/2015 của Chủ tịch UBND xã L được ban hành đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm quyền, nội dung quyết định, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả phù hợp với hành vi vi phạm hành chính của bà G như đã phân tích ở phần trên.

Việc luật sư viện dẫn khoản 5 Điều 60 của Luật tổ tụng hành chính để cho rằng Chủ tịch UBND xã L không được ủy quyền lại cho Phó Chủ tịch UBND xã L để xử lý vi phạm hành chính là không phù hợp, bởi lẽ quy định trên chỉ áp dụng đối với người đại diện ủy quyền khi tham gia tố tụng trong vụ án hành chính.

- Từ phân tích trên, quan điểm của vị luật sư không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận

[7] Đối với quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai về đánh giá chứng cứ, đường lối giải quyết vụ án cơ bản phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Đối với việc Kiểm sát viên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, như đã phân tích ở trên do cấp sơ thẩm có sai sót trong phần tuyên án nên cần sửa bản án sơ thẩm về cách tuyên án.

Vì các lẽ trên:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Chấp nhận 1 phần kháng cáo của bà Trần Thị G, sửa bản án sơ thẩm về cách tuyên án.

Áp dụng Điều 100 Luật đất đai năm 2013; Các Điều 6, 18, 24, 28, 38, 54, 58, 66, 67, 68, 70, 87 của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Điều 17, 18, 27, 31 36, 39, 40 Luật khiếu nại; điểm b khoản 3 Điều 12, Điều 68, 69 Nghị định

171/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt; khoản 4 Điều 5 Nghị định số 81/2013/NĐ – CP ngày 19/7/2013 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính, Nghị định 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Áp dụng Điều 27, Điều 34 Pháp lệnh số: 10/2009/PL – UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà Trần Thị G.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị G về việc yêu cầu hủy Quyết định số 11/QĐ-XPVPHC ngày 03/3/2015 xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ của Chủ tịch UBND xã L.

3. Về án phí:

Bà Trần Thị G phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm, được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 770 ngày 03/3/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Hoàn trả cho bà Trần Thị G 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 4405 ngày 10/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Công Sự (đã ký)

Các Thẩm phán: bà Võ Thị Thanh Phượng- ông Ngô Thanh Sỹ (đã ký)